

3. Các tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước cho phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ hoặc tổ chức kinh tế làm đại lý cho tổ chức tín dụng thực hiện việc chi trả ngoại tệ ở trong nước.

Điều 6. Quyền của người thụ hưởng.

1. Nhận bằng ngoại tệ hoặc Đồng Việt Nam theo yêu cầu.

2. Trong trường hợp nhận bằng ngoại tệ, người thụ hưởng có thể bán cho các tổ chức tín dụng được phép, chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ cá nhân và được sử dụng theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối, gửi tiết kiệm ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng được phép hoặc sử dụng vào các mục đích khác theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không phải đóng thuế thu nhập đối với các khoản ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước.

1. Phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức tuyên truyền rộng rãi chủ trương khuyến khích chuyển ngoại tệ về nước.

2. Quy định các điều kiện và thủ tục cấp giấy phép làm dịch vụ thu nhận và chi trả ngoại tệ; quy định mức thu lệ phí chuyển tiền; chỉ đạo các tổ chức được phép làm dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ cải tiến thủ tục tạo thuận lợi cho người thụ hưởng.

3. Cấp giấy phép cho các tổ chức kinh tế có đủ điều kiện làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ và thu hồi giấy phép hoặc có quyết định đình chỉ có thời hạn đối với các tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế có hành vi vi phạm các quy định trong Quyết định này.

Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan.

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc quản lý nhà nước về dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

2. Tổng cục Hải quan, Tổng công ty Bưu chính

Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm báo cáo tình hình chuyển ngoại tệ vào Việt Nam cho Ngân hàng Nhà nước để Ngân hàng Nhà nước tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo số liệu và tình hình chuyển ngoại tệ vào Việt Nam thực hiện theo quý và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Xử lý vi phạm.

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về hoạt động nhận và chi trả ngoại tệ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 171/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999
về việc cho chậm nộp thuế đối với
hàng nhập khẩu là nguyên liệu,
vật tư, phụ tùng phục vụ trực tiếp
cho sản xuất.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép các doanh nghiệp được chậm nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với các mặt hàng là nguyên liệu, vật tư, phụ tùng nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho sản xuất trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phải nộp xong thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 4 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 1999 cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2000.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 172/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 về việc các tổ chức tín dụng thành lập Công ty chứng khoán và tham gia niêm yết chứng khoán.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Xét đề nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Công văn số 92/UBCK3 ngày 17 tháng 7 năm 1999), ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Công văn số 724/CV-NHNN5 ngày 06 tháng 8 năm 1999),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép các tổ chức tín dụng được thành lập Công ty chứng khoán trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập; Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng quyết định thành lập Công ty chứng khoán sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc chuyển nhượng cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần và các quy định có liên quan để tạo điều kiện cho ngân hàng đủ tiêu chuẩn tham gia niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 3. Giao Bộ Tài chính nghiên cứu hướng dẫn cơ chế tài chính và hỗ trợ tài chính cho các Công ty chứng khoán thuộc tổ chức tín dụng và các Công ty chứng khoán thuộc Tổng công ty, trong thời gian 3 năm đầu hoạt động.